

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST

Ngày: 17/11/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Vinh;

2. Ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Y Dum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST-DS ngày 03/6/2020 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 11/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS ngày 29/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L – có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ – vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày có nội dung:

Ngày 05/02/2018, ông Phạm Văn Đ có vay của bà L số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 10 ngày tính từ ngày vay, lãi suất do hai bên thỏa thuận bằng miệng theo quy định của pháp luật. Hai bên có lập giấy vay tiền viết tay. Đến hạn trả nợ, mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Đ cố tình trốn tránh không trả nợ. Vì vậy bà L khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả nợ số tiền gốc là 10.000.000 đồng và khoản lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật cụ thể: 10.000.000 đồng x 20%/năm x 2 năm 03 tháng 11 ngày (tính từ ngày 16/02/2018 đến ngày 27/5/2020) là 4.553.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Ngô Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu ông Phạm Văn Đ phải trả số tiền gốc là 7.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 16/02/2018.

Giấy nợ có ghi tên bà Nguyễn Thị T vợ của ông Đ; tuy nhiên bà T không ký tên vào giấy nợ và không liên quan đến khoản vay nói trên nên bà L không yêu cầu bà T trả nợ.

Tại bản tự khai bị đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Vào ngày 05/02/2018, ông Đ có vay của bà L số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Vào ngày 09/12/2019, ông Đ có trả cho bà L số tiền 3.000.000 đồng; ông Đ cũng nói là sẽ gửi cho bà L số tiền còn lại sau. Chỗ quen biết nên ông Đ trả tiền cho bà L nhưng không làm giấy tờ khi trả. Bà L khởi kiện ông Đ với số tiền 14.553.000 đồng là không đúng. Ông đã trả cho bà L số tiền 3.000.000 đồng, tại sao bà L không trừ cho ông. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông với số tiền phải trả cho bà L là 8.000.000 đồng, còn với số tiền 14.553.000 đồng thì ông không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Phạm Văn Đường đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phạm Văn Đ phải trả cho bà Ngô Thị L số tiền nợ gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L về việc yêu cầu ông Đ phải trả số tiền nợ gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 16/02/2018, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét giấy vay tiền đề ngày 05/02/2018 là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, không thể hiện lãi suất, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện và

có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Ông Đ trình bày đã trả được cho bà L 3.000.000 đồng, và tại phiên tòa bà L thừa nhận đã nhận của ông Đ số tiền 3.000.000 đồng. Như vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả số tiền nợ gốc 7.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Về yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay tiền ngày 05/02/2018 giữa bà L và ông Đ thể hiện thời hạn vay 10 ngày kể từ ngày 05/02/2018 nhưng không thể hiện lãi suất. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông Đ đều trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau theo quy định. Tại phiên tòa bà L yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày quá hạn trả nợ ngày 16/02/2018 là phù hợp; do không xác định được lãi suất nên Hội đồng xét xử xác định ông Đ phải trả lãi đối với số tiền vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/11/2021, số tiền lãi được tính cụ thể như sau: 7.000.000 đồng x 10%/năm x 03 năm 09 tháng 01 ngày (tính từ ngày 16/02/2018 đến ngày 17/11/2021) = 2.625.000 đồng (đã làm tròn).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông Đ phải trả cho bà L tổng số tiền 9.625.000 đồng; Trong đó: Tiền gốc là 7.000.000 đồng, tiền lãi là 2.625.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị L được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Văn Đ phải chịu 481.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L số tiền 364.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị L.

Buộc bị đơn ông Phạm Văn Đ phải trả cho bà Ngô Thị L tổng số tiền 9.625.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 7.000.000 đồng, tiền lãi là 2.625.000 đồng (tiền lãi tính 10%/năm từ ngày 16/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 17/11/2021).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bị đơn ông Phạm Văn Đ phải chịu 481.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Ngô Thị L số tiền 364.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0006583 ngày 02/06/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lê Anh Thái